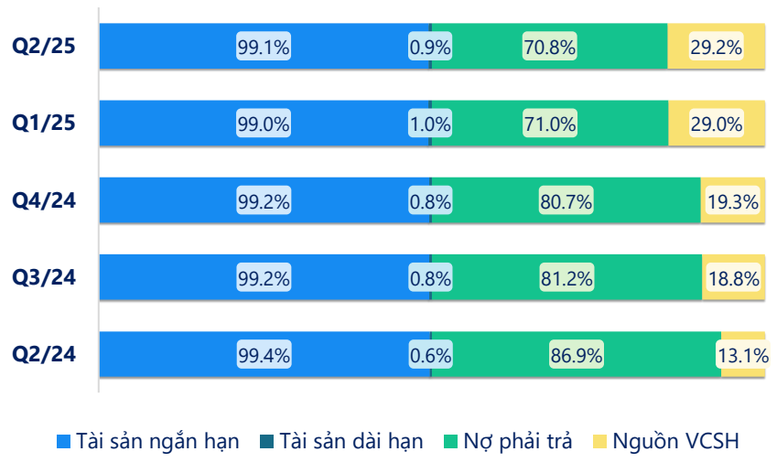
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An (HNX: DIH)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	15,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,808
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,299
SL cổ phiếu LH	6,894,164
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,685
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	109
P/E	3.5
EPS	4,468

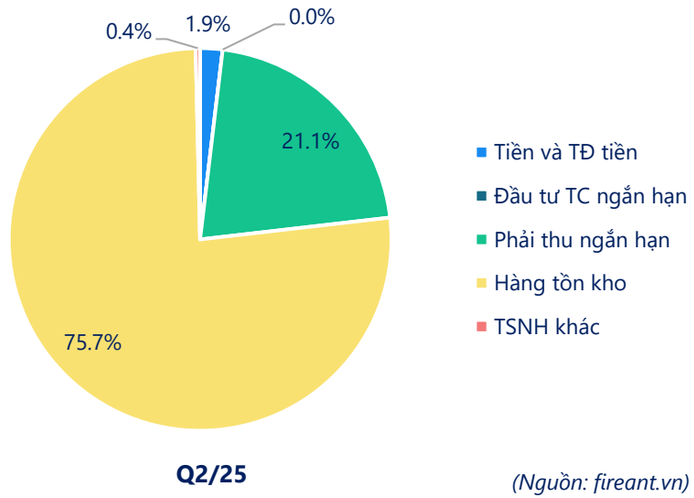
	YTD	1T	3T	6T
DIH	8.4%	10.4%	9.1%	9.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



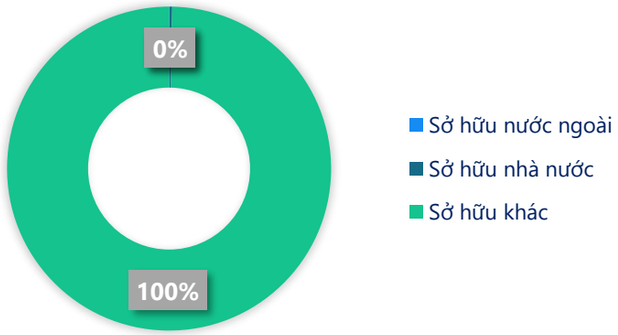
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



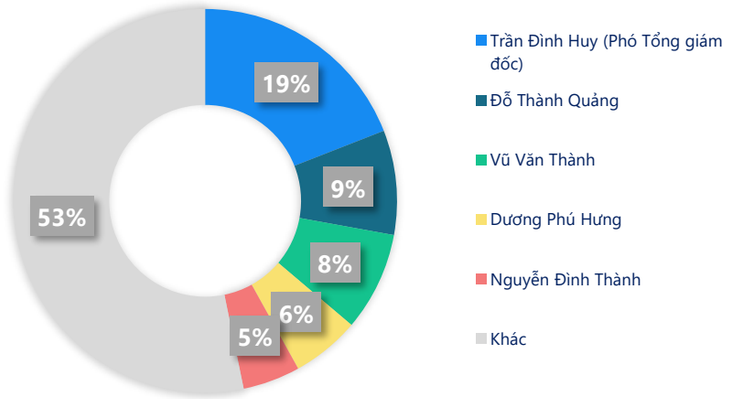
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



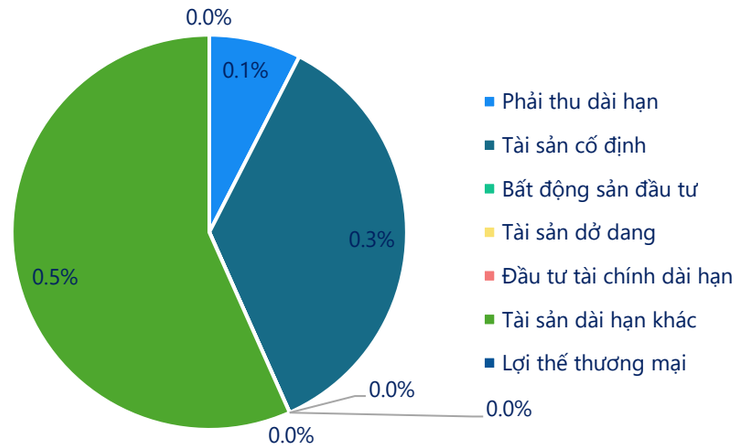
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

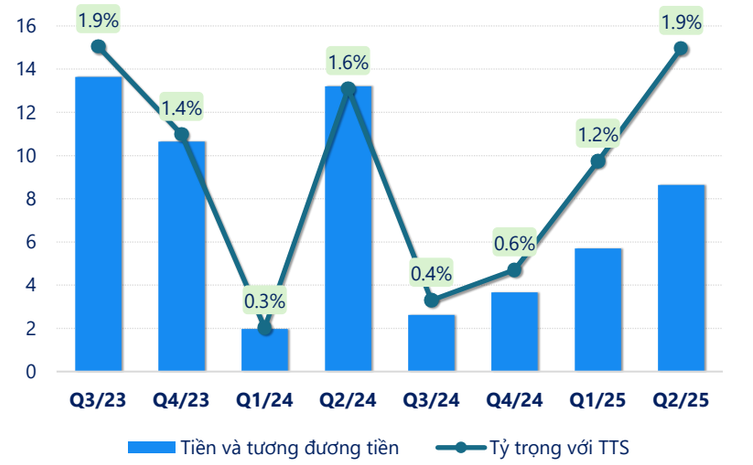


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

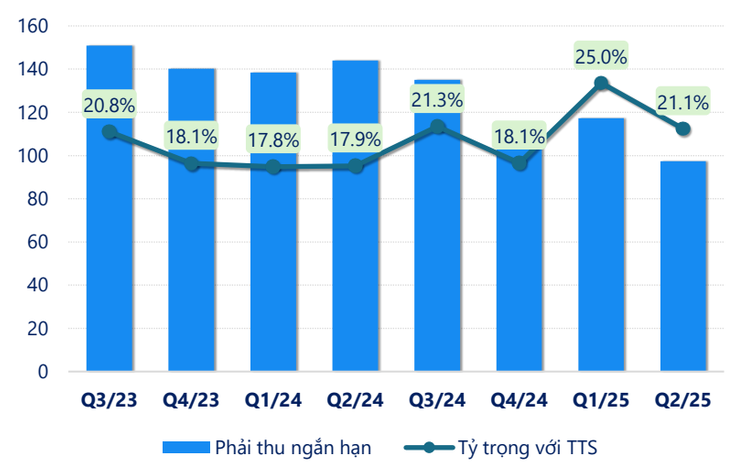
CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An (HNX: DIH)

Tiền và tương đương tiền



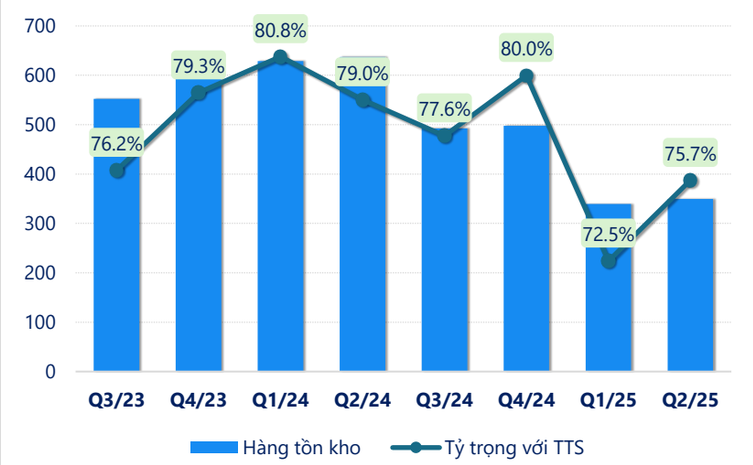
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



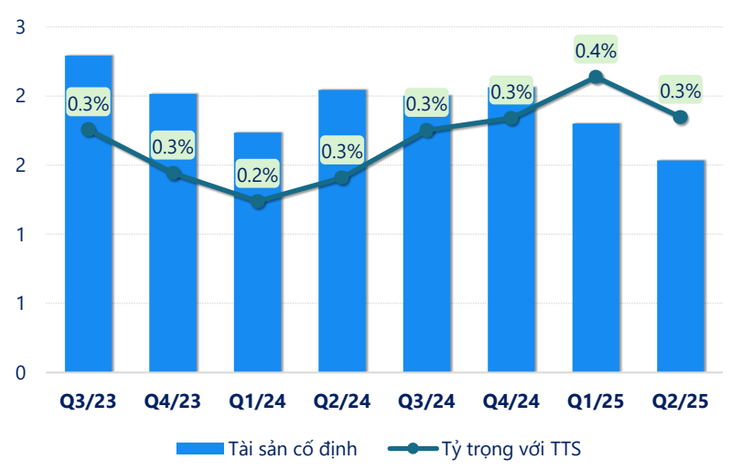
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



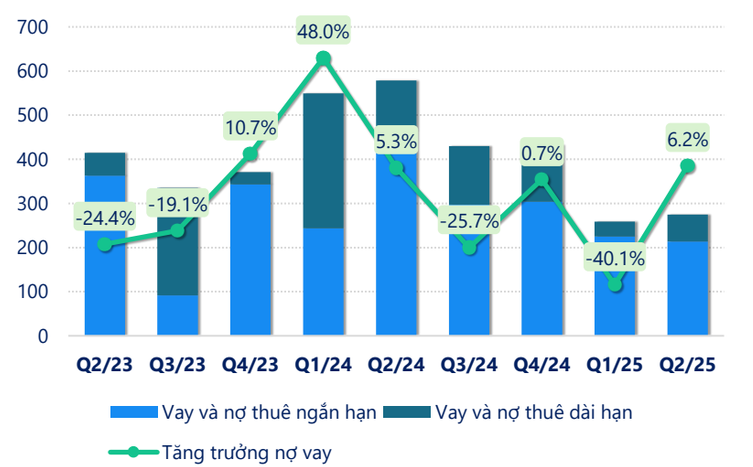
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



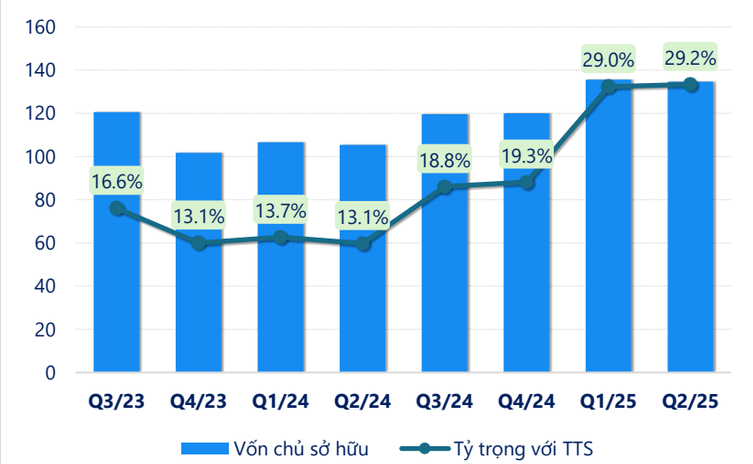
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

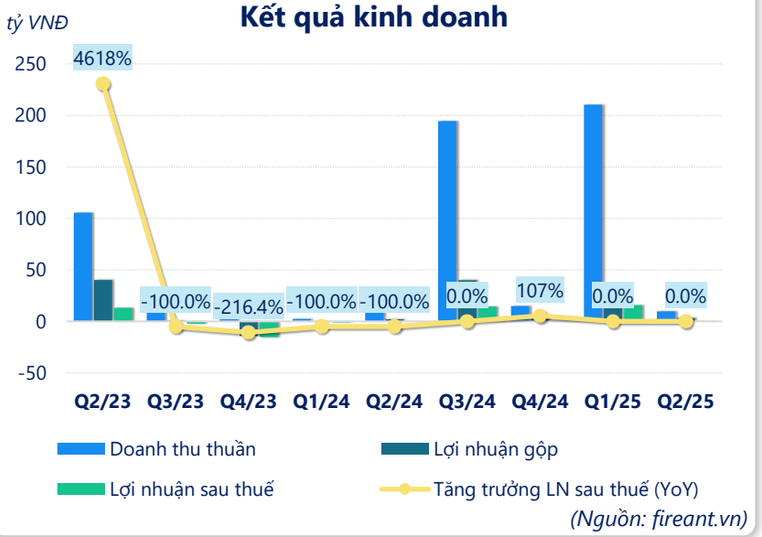
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

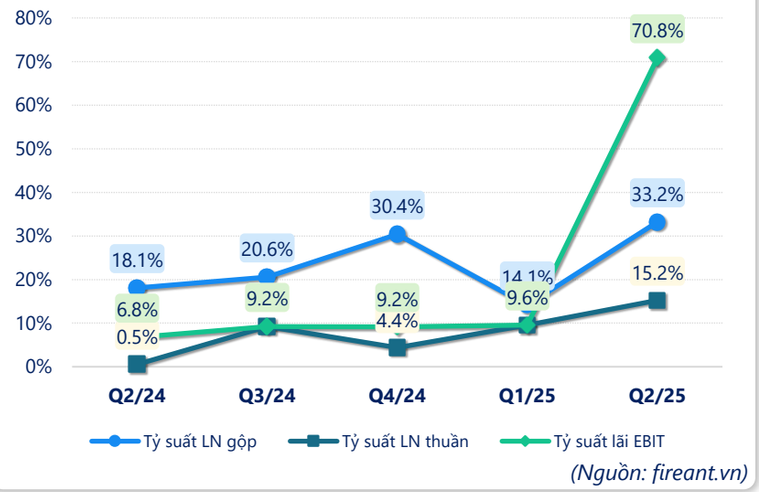
CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An (HNX: DIH)

Kết quả kinh doanh



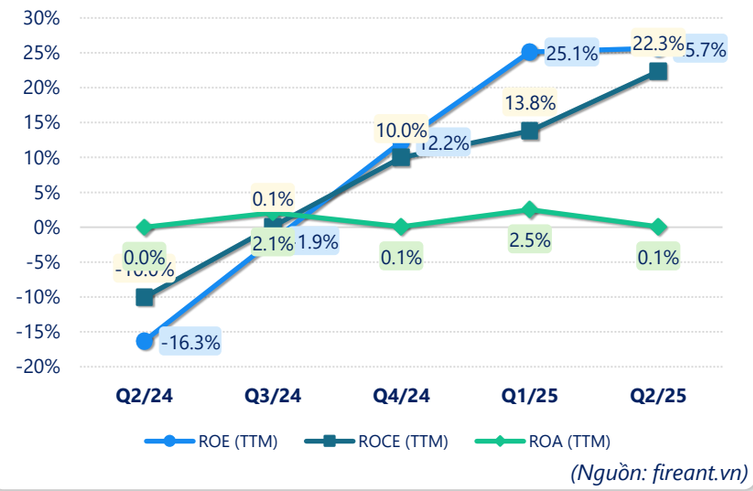
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



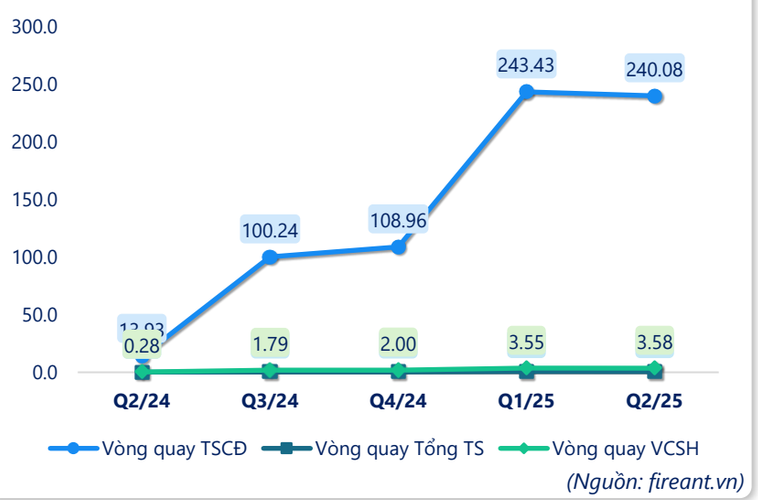
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



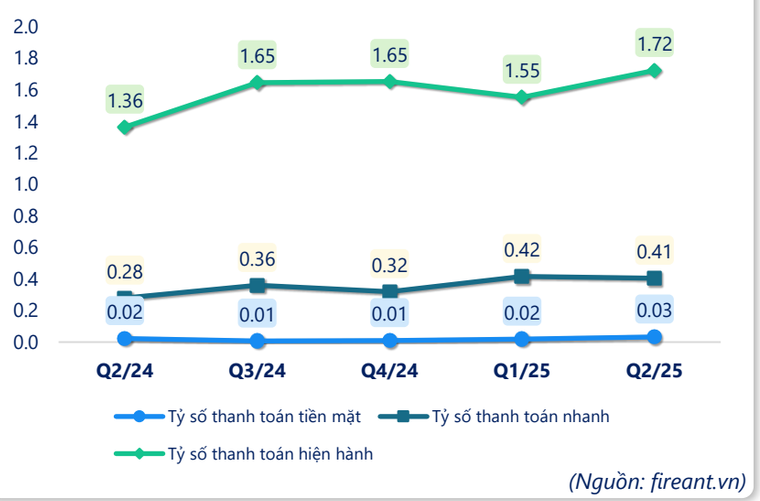
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



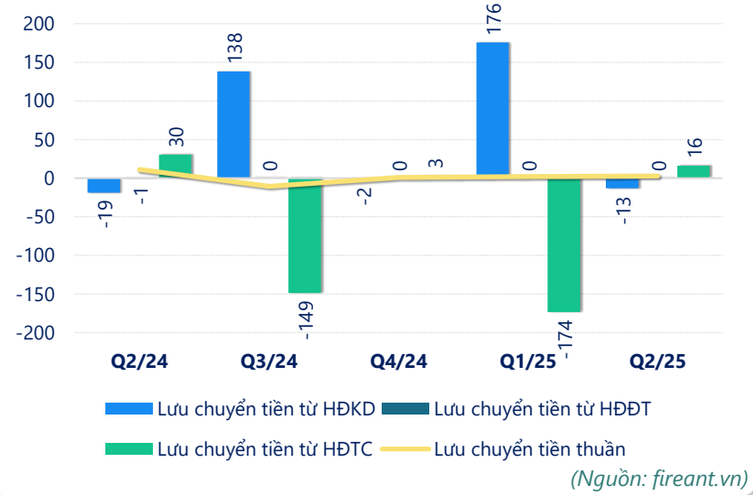
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An (HNX: DIH)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**462**	**623**	**-25.9%**
Tài sản ngắn hạn	457	618	-26.0%
Tiền và tương đương tiền	8.63	3.67	135%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	97.3	113	-13.6%
Hàng tồn kho	350	498	-29.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.70	3.36	-49.6%
Tài sản dài hạn	**4.29**	**4.87**	**-11.9%**
Phải thu dài hạn	0.32	0.32	0.1%
Tài sản cố định	1.53	2.06	-25.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.43**	**2.48**	**-2.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	327	503	-35.0%
Nợ ngắn hạn	**265**	**460**	**-42.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	214	389	-45.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	25.5	28.2	-9.6%
Nợ dài hạn	61.5	43.3	41.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	61.5	43.3	41.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**135**	**120**	**12.3%**
Vốn chủ sở hữu	**135**	**120**	**12.3%**
Vốn điều lệ	68.9	68.9	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	10.6	194	14.8	211	9.70
Giá vốn hàng bán	8.67	154	10.3	181	6.48
Lợi nhuận gộp	1.92	40.0	4.51	29.8	3.22
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00	0.01	0.00	0.01
Chi phí TC	0.63	1.57	0.72	6.41	-1.01
Chi phí lãi vay	0.66	0	0.72	0	5.39
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	13.7	0	0	0
Chi phí QLDN	1.24	6.80	3.16	3.20	2.77
LN thuần từ HĐKD	0.06	17.9	0.65	20.2	1.48
Lợi nhuận khác	0	0	0	-0.03	0
LN trước thuế	0.06	17.9	0.65	20.2	1.48
Lợi nhuận sau thuế	0.06	14.2	0.52	15.7	0.44
LNST của CĐ cty mẹ	0.06	14.2	0.52	15.7	0.44

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-18.6	138	-1.88	176	-13.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.57	0.00	0.00	0.00	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	30.4	-149	2.91	-174	16.0
Tiền đầu kỳ	1.97	12.0	1.45	2.48	4.52
Lưu chuyển tiền thuần	**11.2**	**-10.6**	**1.04**	**2.03**	**2.93**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.2	1.45	2.48	4.52	8.63

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic